

**Cài đặt (Installation):** Xem hướng dẫn cài đặt cho nền tảng của bạn tại: [developer.hashicorp.com/terraform/downloads](https://developer.hashicorp.com/terraform/downloads). Sau đó kích hoạt tự động hoàn thành trong shell:

```
terraform -install-autocomplete
```

### KHỞI TẠO TERRAFORM (INITIALIZING TERRAFORM)

COMMAND	MÔ TẢ
<code>terraform init</code>	Chuẩn bị thư mục làm việc cho các lệnh khác
<code>terraform init -upgrade</code>	Nâng cấp module/provider lên phiên bản mới nhất
<code>terraform get</code>	Chỉ tải và cài đặt các module

## THAY ĐỔI HẠ TẦNG (MAKING INFRASTRUCTURE CHANGES)

COMMAND	MÔ TẢ
<code>terraform plan</code>	Hiển thị các thay đổi cần thiết từ cấu hình hiện tại
<code>terraform plan -out=[file]</code>	Ghi kế hoạch vào tệp để áp dụng sau
<code>terraform plan -target [resource]</code>	Tạo kế hoạch cho module hoặc tài nguyên cụ thể
<code>terraform plan -replace [resource]</code>	Buộc kế hoạch thay thế tài nguyên cụ thể
<code>terraform plan -var 'key=value'</code>	Đặt giá trị cho một biến đầu vào
<code>terraform plan -refresh-only</code>	Kiểm tra sự thay đổi tài nguyên mà không cập nhật tệp trạng thái
<code>terraform apply</code>	Tạo hoặc cập nhật hạ tầng
<code>terraform apply [file]</code>	Tạo hoặc cập nhật hạ tầng từ tệp kế hoạch
<code>terraform apply -target [resource]</code>	Tạo hoặc cập nhật tài nguyên cụ thể
<code>terraform apply -replace [resource]</code>	Thay thế tài nguyên cụ thể
<code>terraform apply -auto-approve</code>	Bỏ qua xác nhận tương tác trước khi áp dụng

## KIỂM TRA GIÁ TRỊ ĐẦU RA (INSPECTING OUTPUT VALUES)

COMMAND	MÔ TẢ
<code>terraform output</code>	Hiển thị tất cả giá trị đầu ra
<code>terraform output -json</code>	Hiển thị tất cả giá trị đầu ra dưới dạng JSON
<code>terraform output [name]</code>	Hiển thị giá trị đầu ra cụ thể

## QUẢN LÝ TRẠNG THÁI (MANAGING STATE)

COMMAND	MÔ TẢ
<code>terraform show</code>	Hiển thị trạng thái hiện tại dạng dễ đọc
<code>terraform show [file]</code>	Hiển thị tệp trạng thái hoặc kế hoạch dạng dễ đọc
<code>terraform show -json [file]</code>	Hiển thị tệp trạng thái hoặc kế hoạch dạng JSON
<code>terraform state list</code>	Liệt kê tất cả tài nguyên trong tệp trạng thái
<code>terraform state show [resource]</code>	Hiển thị chi tiết về tài nguyên
<code>terraform state mv [resource] [new_name]</code>	Đổi tên tài nguyên trong tệp trạng thái
<code>terraform state rm [resource]</code>	Xóa tài nguyên khỏi tệp trạng thái
<code>terraform state replace-provider [resource]</code>	Thay thế provider cho tài nguyên trong trạng thái
<code>terraform import [resource] [remote_id]</code>	Nhập hạ tầng hiện có vào Terraform
<code>terraform state pull</code>	Tải trạng thái hiện tại và xuất ra stdout
<code>terraform refresh</code>	(Đã lỗi thời) Cập nhật trạng thái để khớp với thực tế

## ĐÁNH DẤU TÀI NGUYÊN (TAINTING RESOURCES)

COMMAND	MÔ TẢ
<code>terraform taint [resource]</code>	(Đã lỗi thời) Đánh dấu tài nguyên để thay thế
<code>terraform untaint [resource]</code>	Xóa đánh dấu tài nguyên

## XÓA HẠ TẦNG (DESTROYING INFRASTRUCTURE)

COMMAND	MÔ TẢ
<code>terraform destroy</code>	Xóa hạ tầng do Terraform quản lý
<code>terraform destroy -target [resource]</code>	Xóa tài nguyên cụ thể

## ĐỊNH DẠNG VÀ KIỂM TRA (FORMATTING AND VALIDATION)

COMMAND	MÔ TẢ
<code>terraform validate</code>	Kiểm tra cấu hình có hợp lệ không
<code>terraform fmt</code>	Định dạng lại cấu hình theo kiểu chuẩn
<code>terraform fmt -check</code>	Kiểm tra cấu hình đã định dạng đúng chưa

## TERRAFORM CLOUD / XÁC THỰC TỪ XA (REMOTE AUTHENTICATION)

COMMAND	MÔ TẢ
<code>terraform login</code>	Đăng nhập vào Terraform Cloud
<code>terraform login [hostname]</code>	Đăng nhập vào host khác
<code>terraform logout</code>	Đăng xuất khỏi Terraform Cloud
<code>terraform logout [hostname]</code>	Đăng xuất khỏi host khác

## QUẢN LÝ KHÔNG GIAN LÀM VIỆC (MANAGING WORKSPACES)

COMMAND	MÔ TẢ
<code>terraform workspace list</code>	Liệt kê tất cả không gian làm việc
<code>terraform workspace show</code>	Hiển thị tên không gian làm việc hiện tại
<code>terraform workspace select [name]</code>	Chọn không gian làm việc khác
<code>terraform workspace new [name]</code>	Tạo không gian làm việc mới
<code>terraform workspace delete [name]</code>	Xóa không gian làm việc hiện có

## LỆNH KHÁC (OTHER COMMANDS)

COMMAND	MÔ TẢ
<code>terraform providers</code>	Hiển thị provider cần cho cấu hình này
<code>terraform force-unlock [lock-id]</code>	Mở khóa bị kẹt
<code>terraform console</code>	Thử biểu thức Terraform tại dấu nhắc tương tác
<code>terraform graph   dot - Tpng &gt; graph.png</code>	Tạo biểu đồ trực quan của tài nguyên Terraform
<code>terraform version</code>	Hiển thị phiên bản Terraform hiện tại
<code>terraform -help</code>	Hiển thị trợ giúp cho Terraform
<code>terraform -help [command]</code>	Hiển thị trợ giúp cho lệnh Terraform cụ thể

## THAM CHIẾU GIÁ TRỊ ĐẶT TÊN (REFERENCING NAMED VALUES)

CÚ PHÁP	MÔ TẢ
<code>[RESOURCE_TYPE] . [NAME]</code>	Tham chiếu đến tài nguyên được quản lý
<code>var . [NAME]</code>	Tham chiếu đến biến đầu vào
<code>local . [NAME]</code>	Tham chiếu đến giá trị cục bộ
<code>module . [MODULE_NAME]</code>	Tham chiếu đến module con
<code>data . [DATA_TYPE] . [NAME]</code>	Tham chiếu đến nguồn dữ liệu

## BIỂU THỨC ĐIỀU KIỆN (CONDITIONAL EXPRESSIONS)

CÚ PHÁP	MÔ TẢ
<code>[condition] ? [true] : [false]</code>	Nếu [condition] đúng thì trả về [true], ngược lại trả về [false]

## BIỂU THỨC SPLAT (SPLAT EXPRESSIONS)

CÚ PHÁP	MÔ TẢ
<code>[RESOURCE_TYPE] . [NAME][*] . [ATTRIBUTE]</code>	Trả về danh sách giá trị của thuộc tính cho tất cả phiên bản tài nguyên

## ĐỐI SỐ META TÀI NGUYÊN (RESOURCE META-ARGUMENTS)

ĐỐI SỐ	MÔ TẢ
<code>depends_on</code>	Chỉ định rõ ràng phụ thuộc tài nguyên
<code>count</code>	Tạo nhiều phiên bản của tài nguyên
<code>for_each</code>	Tạo phiên bản tài nguyên cho mỗi phần tử trong map hoặc set
<code>provider</code>	Chỉ định khối cấu hình provider cho tài nguyên
<code>lifecycle</code>	Cấu hình hành vi tài nguyên trong suốt vòng đời

## THUỘC TÍNH META-ARGUMENT VÒNG ĐỜI (LIFECYCLE META-ARGUMENT ATTRIBUTES)

ĐỐI SỐ	MÔ TẢ
<code>create_before_destroy</code>	Tạo tài nguyên mới trước khi xóa tài nguyên cũ
<code>prevent_destroy</code>	Ngăn Terraform xóa tài nguyên
<code>ignore_changes</code>	Bỏ qua thay đổi đối với thuộc tính tài nguyên cụ thể

Xem trực tiếp tại: [Terraform Cheat sheet - DevOps ViệtNam \(devops.vn\)](#)